

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG PẮC  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST

Ngày 31 - 8- 2020

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Long.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trịnh Thị Oanh.

2. Ông Nguyễn Ngọc Huỳnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thúy Vỉnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thùy Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2020/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2020/QĐST – HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020 giữa:

+ Nguyên đơn: Chị Ngụy Thị T, sinh năm: 1991 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Cư trú tại: Thôn 19, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+ Bị đơn: Anh Vi Văn Đ, sinh năm: 1988 (Vắng mặt).

Cư trú tại: Thôn 19, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Ngụy Thị T trình bày:*

Chị và anh Vi Văn Đ sau một thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau tự nguyện thì tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận kết hôn số 191 quyền số 01, ngày 18/10/2012. Sau thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân không hợp tính nhau, từ đó thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Mặc dù hai bên gia đình động viên nhiều lần nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng thêm. Do đó vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng tháng 7 năm 2015 cho đến nay hoàn toàn bỏ mặc nhau. Do mâu thuẫn của vợ chồng quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vi Văn Đ.

**Về con chung:** Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Vi Ngụy N, sinh ngày 11/09/2013 hiện đang sống với anh Đ và Vi Thị Tâm Th, sinh ngày 20/09/2014 hiện nay đang sống với chị T. Nguyên vọng của chị T là tiếp tục được nuôi dưỡng cháu Vi Thị Tâm Th và giao cháu Vi Ngụy N cho anh Vi Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cả hai cháu đủ 18 tuổi và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

**Về tài sản chung và công nợ chung:** Chị T và anh Đ tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Tòa án nhân huyện Krông Pắc đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn anh Vi Văn Đ đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thu thập được bản tự khai cũng như không tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản xác minh ngày 20 tháng 7 năm 2020, đại diện Ban tự quản, Chi hội phụ nữ thôn 19, xã E và cán bộ phụ trách trẻ em xã E cho biết: Trong quá trình chung sống tại địa phương vợ chồng chị T, anh Đ có xảy ra mâu thuẫn và anh chị đã sống ly thân. Hiện tại anh Đ đang trực tiếp nuôi Vi Ngụy N và cháu N hiện đang được anh Đ chăm sóc tốt về mọi mặt. Còn cháu Vi Thị Tâm Th đang được chị T nuôi dưỡng và hiện nay mẹ con chị T đang sống ở địa phương khác.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, hội đồng xét xử (HĐXX) và nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không chấp hành quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản

1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Cho chị Ngụy Thị T ly hôn với anh Vi Văn Đ; Giao cháu Vi Ngụy N cho anh Vi Văn Đ và giao cháu Vi Thị Tâm Th cho chị Ngụy Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Căn cứ đơn khởi kiện của chị Ngụy Thị T, Toà án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Ngụy Thị T khởi kiện xin ly hôn anh Vi Văn Đ có nơi cư trú tại Thôn 19, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Nguyên đơn chị Ngụy Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Vi Văn Đ đã được Toà án nhân dân huyện Krông Pắc triệu tập đến phiên toà để xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 BLTTDS, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

**[2] Về quan hệ hôn nhân:** Chị Ngụy Thị T và anh Vi Văn Đ có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ea Kly theo giấy chứng nhận kết hôn số 191 ngày 18 tháng 10 năm 2012, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Đ là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn không hợp tính nhau, từ đó thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Do không thể tiếp tục chung sống nên vợ chồng anh chị đã sống ly thân khoảng 5 năm nay, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau, mặc dù đã được hai bên gia đình nhiều lần động viên nhưng vẫn không có kết quả. Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị T về việc ly hôn với anh Đ là có cơ sở pháp luật.

**[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:** Vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Vi Ngụy N và cháu Vi Thị Tâm Th. Nguyên vọng của chị T xin được nuôi dưỡng cháu Vi Thị Tâm Th và giao cháu Vi Ngụy N cho anh Vi Văn

Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Theo kết quả xác minh tại địa phương thì hiện nay chị T và anh Đ đều đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng các con chung. Mặt khác hiện nay cháu Vi Ngụy N đang sống với anh Đ và cháu Vi Thị Tâm Th đang chung sống với chị T, hiện nay các con chung đang được anh chị chăm sóc tốt. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cũng như tránh đảo lộn cuộc sống của các con, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị T là có cơ sở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

**[4]** Về án phí: Chị Ngụy Thị T phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**[5]** Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận toàn bộ ý kiến của Viện kiểm sát.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Ngụy Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngụy Thị T được ly hôn với anh Vi Văn Đ.

- Về con chung: Giao cháu Vi Ngụy N, sinh ngày 11/09/2013 cho anh Vi Văn Đ và giao cháu Vi Thị Tâm Th, sinh ngày 20/09/2014 cho chị Ngụy Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Chị Ngụy Thị T và anh Vi Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Ngụy Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm số tiền này được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2019/0007303 ngày 17 tháng 4 năm 2020.

Nguyên đơn chị Nguy Thị T, bị đơn anh Vi Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND Tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- THADS huyện K;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã E;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Hoàng Long**